**NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ**

**QUÂN NHÂN XUẤT NGŨ**

* 1. **Quản lý Nhà nước**
		1. ***Khái niệm quản lý nhà nước***

Quản lý Nhà nước là hoạt động c của cơ quan hành chính Nhà nước, quản lý trên cơ sở của pháp luật và để thực thi pháp luật nhằm thực hiện chức năng tổ chức, quản lý, điều hành các quá trình xã hội của Nhà nước.

Từ khái niệm trên ta có thể thấy rằng quản lý Nhà nước có tính quyền lực nhà nước. Bên cạnh đó quản lý hành chính Nhà nước là hoạt động thực hiện hàng ngày, tổ chức và điều chỉnh các quan hệ xã hội và hành vi hoạt động của công dân bằng việc ra các quyết định quản lý hành chính và thực hiện các hành vi hành chính. Ngoài ra quản lý hành chính Nhà nước được thực hiện bởi các pháp nhân công quyền, trong hệ thống này đứng đầu là Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, các cơ quan hành chính Nhà nước Trung ương, các cấp quản lý hành chính Nhà nước địa phương.

* + 1. ***Đặc điểm của quản lý Nhà nước***

Thứ nhất, quản lí Nhà nước là hoạt động chấp hành và điều hành của Nhà nước. Tính chấp hành của hoạt động quản lý hành chính Nhà nước được thể hiện ở sự thực hiện trên thực tế các văn bản Hiến pháp, luật, pháp lệnh và nghị quyết của cơ quan lập pháp. Tính điều hành của hoạt động quản lý hành chính Nhà nước thể hiện ở chổ là để đảm bảo cho các văn bản pháp luật của cơ quan quyền lực được thực hiện trên thực tế thì các chủ thể của quản lý hành chính Nhà nước phải tiến hành các hoạt động tổ chức và chỉ đạo trực tiếp đối với các đối tượng quản lý thuộc quyền.

Để đảm bảo sự thống nhất của hai yếu tố này đòi hỏi rất nhiều yêu cầu. Trong đó, quản lý hành chính Nhà nước trước hết phải bảo đảm việc chấp hành văn bản của cơ quan dân cử đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, từ đó mà thực hiện quản lý điều hành. Mọi hoạt động chấp hành và điều hành đều phải xuất phát từ mục đích nhằm phục vụ cho nhân dân, đảm bảo đời sống xã hội cho nhân dân về mọi mặt, tương ứng với các lĩnh vực trong quản lý hành chính nhà nước.

Thứ hai, hoạt động quản lý Nhà nước là hoạt động mang tính chủ động và sáng tạo. Ðiều này thể hiện ở việc các chủ thể quản lý hành chính căn cứ vào tình hình, đặc điểm của từng đối tượng quản lý để đề ra các biện pháp quản lý thích hợp. Tính chủ động sáng tạo còn thể hiện rõ nét trong hoạt động xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật hành chính để điều chỉnh các hoạt động quản lý Nhà nước. Chính do sự phức tạp, đa dạng, phong phú của đối tượng quản lý, các chủ thể quản lý phải áp dụng biện pháp giải quyết mọi tình huống phát sinh một cách có hiệu quả nhất. Tuy nhiên, chủ động và sáng tạo không vượt ra ngoài phạm vi của nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa và kỷ luật Nhà nước. Để đạt được điều này, đòi hỏi tôn trọng triệt để tất cả các nguyên tắc trong hệ thống các nguyên tắc quản lý hành chính Nhà nước.

Thứ ba, hoạt động quản lý Nhà nước được bảo đảm về phương diện tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước. Trước hết là bộ máy cơ quan Nhà nước - đây là hệ thống cơ quan nhiều về số lượng, biên chế; Phức tạp về cơ cấu tổ chức; Đa dạng về chức năng, nhiệm vụ cũng như phương pháp hoạt động; Có cơ sở vật chất to lớn, có đối tượng quản lý đông đảo, đa dạng, chủ thể chủ yếu là cơ quan hành chính Nhà nước, đó là điều kiện quan trọng để thực hiện nhiệm vụ quản lý. Các cơ quan hành chính trực tiếp xử lý công việc hàng ngày của Nhà nước, thường xuyên tiếp xúc với dân, giải quyết các yêu cầu của dân, là cầu nối quan trọng của Đảng, Nhà nước với nhân dân. Nhân dân đánh giá chế độ, đánh giá Đảng trước hết thông qua hoạt động của bộ máy hành chính.

Thứ tư, bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động quản lý. Tính liên tục nhằm đảm bảo hoạt động bình thường của bộ máy hành chính Nhà nước. Tính ổn định nhằm để đảm bảo các hoạt động như: lưu trữ hồ sơ, giấy tờ. Đó có thể nói là trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước đối với xã hội.

Thứ năm, quản lý Nhà nước là hoạt động có mục tiêu chiến lược và có chương trình và có kế hoạch để thực hiện mục tiêu. Công tác quản lý hành chính Nhà nước là hoạt động có mục đích và định hướng. Vì vậy, phải có chương trình, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm. Mặt khác, cần có các chỉ tiêu mang tính định hướng trên cơ sở hệ thống pháp luật được áp dụng thực thi triệt để cho hoạt động quản lý, đồng thời tạo hành lang pháp lý cho hoạt động đặt dưới sự quản lý ấy.

Thứ sáu, quản lý Nhà nước xã hội chủ nghĩa không có sự cách biệt tuyệt đối về mặt xã hội giữa chủ thể quản lý và chủ thể của quản lý (chủ thể chịu sự quản lý). Cán bộ quản lý nhà nước phải là “công bộc” của nhân dân, biết lắng nghe ý kiến của quần chúng nhân dân, thu hút được rộng rãi quần chúng nhân dân tham gia vào việc quản lý Nhà nước và xã hội. Chống quan liêu, cửa quyền, hách dịch, ức hiếp quần chúng.

Thứ bảy, tính chuyên môn hoá và nghề nghiệp cao. Đó chính là nghiệp vụ của một nền hành chính văn minh, hiện đại. Khi nói đến một nền kinh tế tri thức - nền kinh tế mà ở đó giá trị của tri thức, của sự hiểu biết được đặt lên hàng đầu thì đội ngũ quản lý nền kinh tế tri thức ấy phải có một tầm vóc tương xứng. Quản lý Nhà nước khác với hoạt động chính trị ở chỗ trình độ kiến thức chuyên môn và kỹ năng quản lý thực tiễn làm tiêu chuẩn hàng đầu.

Thứ tám, tính không vụ lợi. Quản lý hành chính Nhà nước lấy việc phục vụ lợi ích công làm động cơ và mục đích của hoạt động. Quản lý hành chính Nhà nước không phải vì lợi ích thù lao, càng không theo đuổi mục đích kinh doanh lợi nhuận. Cán bộ hành chính vì vậy phải bảo đảm “cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư”.

**1.2. Quản lý nhà nước về quân nhân xuất ngũ**

***1.2.1. Khái niệm về quân nhân***

Quân đội nhân dân Việt Nam ra đời từ phong trào đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức, xây dựng, lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện. Chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hoạt động tổ chức, xây dựng, chiến đấu của quân đội. Xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam về chính trị phải có lý luận soi đường và việc nghiên cứu phát triển lý luận xây dựng quân đội về chính trị là sự kế thừa, bổ sung lý luận nhằm nâng lý luận lên một tầm cao mới bằng những tri thức mới được tổng kết và khái quát từ thực tiễn, đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội về chính trị. Vì thế, những người phục vụ trong quân đội được gọi là quân nhân.

Quân nhân gồm quân nhân tại ngũ và quan nhận dự bị. Trong quân đội, công dân phục vụ tại ngũ gọi là quân nhân tại ngũ; công dân phục vụ trong ngạch dự bị gọi là quân nhân dự bị.

Quân nhân tại ngũ là công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phục vụ trực tiếp trong Quân đội. Quân nhân bao gồm sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ và quân nhân chuyên nghiệp được quy định trong luật Nghĩa vụ quân sự, Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

Quân nhân tại ngũ và quân nhân dự bị gồm có sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan binh sĩ và được phong cấp bậc quân hàm tương ứng với chức vụ.

Theo quy định của Luật nghĩa vụ quân sự 2015, Xuất ngũ được hiểu “*là việc hạ sĩ quan, binh sĩ thôi phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân và lực lượng Cảnh sát biển*”.

# ***1.2.1. Quản lý nhà nước về quân nhân xuất ngũ***

Quân nhân sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự, trở về địa phương là một bước ngoặt quan trọng, quân nhân xuất ngũ rất cần được xác định đúng đắn hướng đi để lập thân, lập nghiệp, phát triển kinh tế gia đình. Xác định được tầm quan trọng này Bộ Chỉ huy quân sự ở các tỉnh/thành phố tích cực phối hợp với Sở Lao động, thương binh và xã hội và các cơ quan liên quan thường xuyên tổ chức buổi tư vấn hướng nghiệp cho quân nhân xuất ngũ và thân nhân gia đình [5, *tr27*]. Bên cạnh đó phối hợp với các trung tâm, trường dạy nghề, công ty trong và ngoài quân đội tuyển chọn, đào tạo nghề cho quân nhân xuất ngũ.

Quản lý nhà nước nói chung và quản lý nhà nước về quân nhân xuất ngũ nói riêng là hoạt động chức năng của nhà nước. Theo nghĩa rộng: quản lý nhà nước về quân nhân xuất ngũ là quá trình dùng quyền lực nhà nước (cả lập pháp, hành pháp và tư pháp), theo quy định của pháp luật để tác động điều chỉnh, hướng dẫn công tác quản lý quân nhân xuất ngũ hoạt động phù hợp với pháp luật, đạt được các mục tiêu của chủ thể quản lý. Theo nghĩa hẹp: là quá trình chấp hành và tổ chức thực hiện pháp luật của các cơ quan trong hệ thống hành pháp để điều chỉnh, hướng dẫn hoạt động công tác quản lý trong quy định của pháp luật.

Như vậy, quản lý nhà nước về quân nhân xuất ngũ là hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm bảo đảm quân nhân xuất ngũ được hưởng các chính sách ưu đãi sau khi xuất ngũ trở về địa phương sau khi phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. [9*, tr3*] Nhà nước quy định bằng pháp luật các chính sách ưu đãi của quân nhân xuất ngũ nhằm bảo đảm quyền bình đẳng giữa các công dân trước pháp luật, hình thành khung pháp lý, làm cơ sở để các cơ quan nhà nước quản lý một cách thống nhất và toàn diện.

Chủ thể quản lý hành chính nhà nước đối với quân nhân xuất ngũ bao gồm các cơ quan nhà nước thuộc hệ thống hành pháp gồm: Chính phủ, Bộ chỉ huy quân sự, Uỷ ban nhân dân các cấp ngoài ra có các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được nhà nước trao quyền quản lý như Sở lao động thương binh và xã hội...

# **1.3. Pháp luật quản lý nhà nước về quân nhân xuất ngũ**

Mọi hoạt động của xã hội đều được Nhà nước quản lý, điều chỉnh bằng pháp luật. Hoạt động của quân nhân xuất ngũ cũng không nằm ngoài công tác quản lý nhà nước. Mục tiêu của công tác này là đảm bảo cho các quân nhân xuất ngũ hưởng các chế độ, chính sách mà Nhà nước quy định.

Luật Nghĩa vụ quân sự sửa đổi đã được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ chín, ngày 19-6-2015. Theo đó, từ ngày 1-1-2016, Luật Nghĩa vụ quân sự mới sẽ có hiệu lực thi hành và thay thế Luật Nghĩa vụ quân sự 1981, Luật Nghĩa vụ quân sự sửa đổi 1990, sửa đổi 1998 và sửa đổi 2005. Trong Luật Nghĩa vụ quân sự 2015 có nhiều quy định mới so với trước đây, cụ thể như sau:

*Thứ nhất, Các hành vi bị nghiêm cấm*

Theo quy định tại Điều 10 của luật này, những hành vi bị nghiêm cấm: Trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự. Chống đối, cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự. Gian dối trong khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định về nghĩa vụ quân sự. Sử dụng hạ sĩ quan, binh sĩ trái quy định của pháp luật. Xâm phạm thân thể, sức khỏe; xúc phạm danh dự, nhân phẩm hạ sĩ quan, binh sĩ.

*Thứ hai, Đối tượng được miễn đăng kí nghĩa vụ quân sự và tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ*

Theo quy định tại Điều 14, những đối tượng sau đây được miễn đăng ký nghĩa vụ quân sự: Người khuyết tật, người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh tâm thần hay bệnh mãn tính.

Theo quy định tại Điều 41, những đối tượng được tạm hoãn gọi nhập ngũ, gồm: Chưa đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo kết luận của hội đồng khám sức khỏe; Là lao động duy nhất phải trực tiếp nuôi dưỡng thân nhân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến tuổi lao động; Trong gia đình bị thiệt hại nặng về người và tài sản do tai nạn, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm gây ra được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; Một con của bệnh binh, người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 61-80%; Có anh, chị hoặc em ruột là hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ; hạ sĩ quan, chiến sĩ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; Người thuộc diện di dân, giãn dân trong 3 năm đầu đến các xã đặc biệt khó khăn theo dự án phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước do UBND cấp tỉnh trở lên quyết định; Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật; Đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông; Đang đào tạo trình độ đại học hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục đại học, trình độ cao đẳng hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian một khóa đào tạo của một trình độ đào tạo.

Những đối tượng sau đây được miễn gọi nhập ngũ: Con của liệt sĩ, con của thương binh hạng một; Một anh hoặc một em trai của liệt sĩ; Một con của thương binh hạng hai; Một con của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Một con của người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Người làm công tác cơ yếu không phải là quân nhân, Công an nhân dân; Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật từ 24 tháng trở lên.

Tuy nhiên, Luật Nghĩa vụ quân sự mới cũng quy định rõ, công dân thuộc diện tạm hoãn gọi nhập ngũ nếu không còn lý do tạm hoãn thì được gọi nhập ngũ. Công dân thuộc diện được tạm hoãn gọi nhập ngũ hoặc được miễn gọi nhập ngũ nếu tình nguyện thì được xem xét tuyển chọn và gọi nhập ngũ. Đồng thời, danh sách công dân được tạm hoãn gọi nhập ngũ, được miễn gọi nhập ngũ phải được niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã, trụ sở cơ quan, tổ chức nơi công dân công tác trong thời hạn 20 ngày.

*Thứ ba, thời gian tại ngũ:*

Trong thời bình là 24 tháng (trước đây quy định thời gian này là 18 tháng). Trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng - an ninh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định kéo dài thời gian tại ngũ, nhưng không quá 6 tháng. Trong chiến tranh hay tình trạng quốc phòng khẩn cấp sẽ thực hiện theo lệnh tổng động viên hay động viên cục bộ.

*Thứ tư, quyền lợi của quân nhân khi tại ngũ:*

Theo quy định tại Điều 50, quân nhân khi tại ngũ được hưởng các quyền lợi như: Được bảo đảm cung cấp kịp thời, đủ số lượng, đúng chất lượng về lương thực, thực phẩm, quân trang, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh. Được bảo đảm chỗ ở, phụ cấp hằng tháng, nhu yếu phẩm và nhu cầu về văn hóa, tinh thần phù hợp với tính chất nhiệm vụ của quân đội; được bảo đảm chế độ trong các ngày lễ, tết. Được Nhà nước bảo đảm chăm sóc sức khỏe khi bị thương, bị ốm đau, bị tai nạn. Từ tháng thứ 13 trở đi được nghỉ phép. Từ tháng thứ 25 trở đi được hưởng thêm 250% phụ cấp quân hàm hiện hưởng hằng tháng. Được tính nhân khẩu trong gia đình khi gia đình được cấp hoặc điều chỉnh diện tích nhà ở, đất xây dựng nhà ở và đất canh tác. Được tính thời gian phục vụ tại ngũ vào thời gian công tác. Được ưu đãi về bưu phí. Có thành tích trong chiến đấu, công tác, huấn luyện được khen thưởng. Trong trường hợp bị thương, bị bệnh khi làm nhiệm vụ thì được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước bảo đảm chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế; khi ốm đau dài ngày được hưởng chế độ trợ cấp khó khăn đột xuất. Được tạm hoãn trả khoản nợ vay để học tập theo quy định của Chính phủ.

*Thứ năm, quyền lợi khi xuất ngũ:*

Cũng theo Điều 50, quân nhân khi xuất ngũ được hưởng các quyền lợi như: Được cấp tiền tàu xe, phụ cấp đi đường, trợ cấp xuất ngũ. Trước khi nhập ngũ đang học tập hoặc có giấy gọi vào học tập tại các trường thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thì được bảo lưu kết quả, được tiếp nhận vào học ở các trường đó. Được trợ cấp tạo việc làm. Được chính quyền các cấp, cơ quan, tổ chức ưu tiên trong tuyển sinh, cộng điểm trong thi tuyển công chức, viên chức và sắp xếp việc làm. Trước khi nhập ngũ đang làm việc tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội thì khi xuất ngũ cơ quan, tổ chức đó phải có trách nhiệm tiếp nhận lại, bố trí việc làm và bảo đảm tiền lương tương xứng với vị trí việc làm, tiền lương trước khi nhập ngũ. Nếu cơ quan, tổ chức cũ đã giải thể thì cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp có trách nhiệm giải quyết việc làm. Trước khi nhập ngũ đang làm việc tại tổ chức kinh tế khi xuất ngũ tổ chức kinh tế đó phải có trách nhiệm tiếp nhận lại, bố trí việc làm và bảo đảm tiền lương, tiền công tương xứng với vị trí việc làm, tiền lương, tiền công trước khi nhập ngũ. Trước khi nhập ngũ đã tốt nghiệp tại trường thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học chưa được sắp xếp, bố trí công tác thì khi xuất ngũ được ưu tiên sắp xếp, bố trí công tác và trong thời gian tập sự được hưởng 100% mức lương và phụ cấp của ngạch tuyển dụng tương ứng với trình độ đào tạo;

Cụ thể hóa quy định này, Nghị định 27/2016/NĐ-CP Quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

Theo Điều 7 [Nghị định 27/2016/NĐ-CP](https://luatminhkhue.vn/nghi-dinh-27-2016-nd-cp-che-do-chinh-sach-ha-si-quan-binh-si-than-nhan.aspx)thì quy định về chế độ trợ cấp xuất ngũ một lần, trợ cấp tạo việc làm, cấp tiền tàu xe, phụ cấp đi đường đối với hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ như sau:

- Chế độ bảo hiểm xã hội một lần được hưởng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

- Trợ cấp xuất ngũ một lần, cứ mỗi năm phục vụ trong Quân đội được trợ cấp bằng 02 tháng tiền lương cơ sở theo quy định của Chính phủ tại thời điểm xuất ngũ. Trường hợp có tháng lẻ được tính như sau: Dưới 01 tháng không được hưởng trợ cấp xuất ngũ; từ đủ 01 tháng đến đủ 06 tháng được hưởng trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương cơ sở; từ trên 06 tháng trở lên đến 12 tháng được hưởng trợ cấp bằng 02 tháng tiền lương cơ sở.

Hiện tại mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng

- Hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ thời hạn đủ 30 tháng, khi xuất ngũ được trợ cấp thêm 02 tháng phụ cấp quân hàm hiện hưởng; trường hợp nếu xuất ngũ trước thời hạn 30 tháng thì thời gian phục vụ tại ngũ từ tháng thứ 25 đến dưới 30 tháng được trợ cấp thêm 01 tháng phụ cấp quân hàm hiện hưởng.

- Hạ sĩ quan, binh sĩ hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự khi xuất ngũ được trợ cấp tạo việc làm bằng 06 tháng tiền lương cơ sở theo quy định của Chính phủ tại thời điểm xuất ngũ.

- Hạ sĩ quan, binh sĩ khi xuất ngũ được đơn vị trực tiếp quản lý tổ chức buổi gặp mặt chia tay trước khi xuất ngũ, mức chi 50.000 đồng/người; được đơn vị tiễn và đưa về địa phương nơi cư trú theo quy định hoặc cấp tiền tàu, xe (loại phổ thông) và phụ cấp đi đường từ đơn vị về nơi cư trú.

Quyền lợi đối với thân nhân:

Bên cạnh đó, Theo quy định tại Điều 50, thân nhân của quân nhân tại ngũ được hưởng quyền lợi như: Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ hoặc bố, mẹ chồng; người nuôi dưỡng hợp pháp; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hợp pháp được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế, được hưởng trợ cấp khó khăn do ngân sách nhà nước bảo đảm. Con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ được miễn học phí khi học ở cơ sở giáo dục phổ thông công lập và ngoài công lập theo quy định của pháp luật về chế độ miễn, giảm học phí. Trường hợp hy sinh, từ trần trong khi làm nhiệm vụ thì gia đình được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật. Trong thời chiến bố, mẹ, vợ, chồng, con được hưởng chế độ ưu đãi riêng.